

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ
Số: 275 /TB-PTSCĐV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG 24 GIỜ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Cổ đông

I. Tổ chức công bố thông tin:

Công ty : Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
Mã chứng khoán : PSP
Trụ sở chính : KCN Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An, Hải Phòng
Điện thoại : 0313 979710 Fax: 0313 979712
Người công bố thông tin : Đặng Kiến Nghiệp
Địa chỉ : KCN Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An, Hải Phòng
Điện thoại : 0982 244433 Fax: 0313 979712

II. Nội dung công bố thông tin:

Ngày 15/06/2016, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-PTSCĐV-HĐQT về việc ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ xin gửi kèm Quyết định nói trên đến Quý cơ quan và đăng tải trên trang thông tin www.ptscdinhvu.com.vn theo quy định pháp luật hiện hành.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban GD (để b/c);
- Website: www.ptscdinhvu.com.vn;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

TUQ. GIÁM ĐỐC

Người công bố thông tin


Đặng Kiến Nghiệp



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY

*(SỬA ĐỔI BỔ SUNG LẦN THỨ 03
THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÀY 08/04/2016)*



---- HẢI PHÒNG, 2016 ----

Số: 151/QĐ – PTSCDV-HĐQT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Điều lệ
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200754420 cấp ngày 24/3/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 14/NQ-PTSCDV-HĐQT ngày 08/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ;

Căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này « Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ » sửa đổi lần thứ 3 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3 : Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty, Trưởng các Phòng chức năng/Bộ phận trực thuộc cổ phần Cảng Dịch vụ Cảng Dầu khí Đình Vũ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban KS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT



Trần Hữu An

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1: Định nghĩa	5
CHƯƠNG II: ĐIỀU KHOẢN CHUNG	6
Điều 2: Tên gọi, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty	6
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	7
Điều 6: Các loại vốn khác	8
Điều 7: Chứng chỉ Cổ phiếu	9
Điều 8: Sổ đăng ký cổ đông	10
Điều 9: Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần	11
Điều 10: Thu hồi cổ phần	12
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát Công ty	12
Điều 12: Mối quan hệ giữa Công ty với các Bộ phận trực thuộc Công ty	13
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 13: Quy định chung về Cổ đông	13
Điều 14: Quyền của Cổ đông	14
Điều 15: Nghĩa vụ của Cổ đông	15
Điều 16: Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18: Các đại diện được uỷ quyền	17
Điều 19: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20: Thời gian, thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình cuộc họp và thông báo	18

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

Điều 21:	Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22:	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23:	Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		25
Điều 24:	Thành phần và nhiệm kỳ	25
Điều 25:	Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 26:	Điều kiện ứng cử, đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 27:	Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 28:	Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.....	29
Điều 29:	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		32
Điều 30:	Giám đốc.....	32
Điều 31:	Bộ máy giúp việc.....	33
Điều 32:	Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm của Giám đốc	34
Điều 33:	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	34
Điều 34:	Thư ký Công ty.....	34
CHƯƠNG IX: NHIỆM VỤ ĐƯỢC UỶ THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ		35
Điều 35:	Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý.....	35
Điều 36:	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 37:	Trách nhiệm và bồi thường.....	36
CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT.....		36
Điều 38:	Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 39:	Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát.....	39
CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....		40
Điều 40:	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	40
CHƯƠNG XII: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐOÀN THỂ		41
Điều 41:	Người lao động và các tổ chức đoàn thể	41
CHƯƠNG XIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN		41

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

Điều 42: Cổ tức.....	41
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	43
Điều 43: Tài khoản ngân hàng	43
Điều 44: Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	43
Điều 45: Năm tài chính.....	43
Điều 46: Hệ thống kế toán.....	43
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	43
Điều 47: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	43
Điều 48: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	44
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 49: Kiểm toán	44
CHƯƠNG XVII: CON DẤU	45
Điều 50: Con dấu.....	45
CHƯƠNG XVIII: TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY	45
Điều 51: Chia Công ty	45
Điều 52: Tách Công ty	46
Điều 53: Hợp nhất Công ty	47
Điều 54: Sáp nhập Công ty.....	47
Điều 55: Chuyển đổi Công ty.....	48
CHƯƠNG XIX: TẠM NGỪNG KINH DOANH, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ	50
Điều 56: Tạm ngưng kinh doanh.....	50
Điều 57: Giải thể và chấm dứt hoạt động.....	50
Điều 58: Thanh lý.....	50
CHƯƠNG XX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	51
Điều 59: Giải quyết tranh chấp nội bộ	51
CHƯƠNG XXI: SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	52
Điều 60: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	52
CHƯƠNG XXII: NGÀY HIỆU LỰC	52

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

Điều 61: Ngày hiệu lực.....52
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY52

10
Q
C
V
D
Đ
1/1

**CHƯƠNG I:
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1: Định nghĩa

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a) Công ty: Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- b) Điều lệ: Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- c) Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- d) Địa bàn kinh doanh: lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- e) Vốn điều lệ: là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần.
- f) Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
- g) Ngày thành lập: ngày mà Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- h) Pháp luật: là hệ thống các quy tắc hành vi, quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận được Nhà nước đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát triển phù hợp với lợi ích của giai cấp mình.
- i) Người quản lý: thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các người khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm người quản lý của Công ty;
- j) Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định trong Luật Doanh nghiệp.
- k) Cổ đông: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- l) Người đại diện theo Pháp luật: là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Giám đốc Công ty, có trách nhiệm theo quy định tại Điều 14. Luật Doanh nghiệp.
- m) Cổ phiếu: là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty bao gồm đầy đủ các nội dung như theo quy định tại Điều 120, Luật Doanh nghiệp.
- n) Luật sư: người có đủ điều kiện theo quy định tại Luật Luật sư (được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006) và Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Luật sư

Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 2: Tên gọi, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên gọi:
 - a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ
 - b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Dinh Vu Petroleum Services Port Joint Stock Company;**
 - c) Tên viết tắt của Công ty: **PTSC Đình Vũ**
 - d) Công ty là Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam
 - e) Biểu tượng của Công ty (logo): Theo mẫu quy định chung của Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
3. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51, 53, 55 và 57 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh vận hành khai thác cụm cảng container và dịch vụ căn cứ hậu cần phục vụ hoạt động dầu khí, kinh doanh cảng biển.
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, dịch vụ hỗ trợ sinh hoạt dầu khí
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
 - Bốc xếp hàng hóa
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển
 - Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng (máy móc thiết bị nông lâm nghiệp, máy móc thiết bị văn phòng, cầu, tàu lai dắt, xe nâng).
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (hàng kim khí); Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác bao gồm máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (đồ điện gia dụng, đèn, bộ đèn điện). Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn).
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.
 - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải phương tiện nổi).
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan – không bao gồm dầu thô và dầu đã qua chế biến). Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (dầu hỏa, gas, than nhiên liệu, khí hóa lỏng, xăng dầu - không bao gồm dầu thô và dầu đã qua chế biến).
 - Thu gom rác thải độc hại, rác thải không độc hại.
2. Mục tiêu kinh doanh của Công ty:
- a) Thu lợi nhuận tối đa;
 - b) Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông;
 - c) Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động;
 - d) Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
 - e) Đóng góp Ngân sách cho Nhà nước.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề mà Pháp luật không cấm.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 40.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

2. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
 - a) Theo Quyết định của Đại hội cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.
 - b) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và 130 Luật Doanh nghiệp
 - c) Vốn điều lệ không được cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.
3. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phần.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 13 và Điều 14
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty.
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm về việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không quá mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần) để cổ đông đặt mua.. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
8. Công ty có thể mua cổ phần của chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6: Các loại vốn khác

1. Vốn vay: Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức khác, các cá nhân trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.
2. Vốn tiếp nhận: Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo các quy định của pháp luật và của Điều lệ này để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

3. **Vốn tích lũy:** Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, được dùng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước theo các quy định của pháp luật.
4. **Trái phiếu:** Công ty được quyền phát hành trái phiếu bảo đảm và không có bảo đảm. Công ty được phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và việc chuyển đổi này được thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.
 - a) Trái phiếu của Công ty có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b) Nếu phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán, việc phát hành sẽ tuân theo các qui định của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Ngoài các loại vốn như đã nêu ở trên, Công ty có những quyền và nghĩa vụ tương ứng trong việc huy động, sử dụng các nguồn vốn khác không trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7: Chứng chỉ Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 của Điều 7. Chứng chỉ/chứng nhận cổ phiếu được Công ty phát hành dưới dạng bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một (01) hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Chứng chỉ/chứng nhận cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng chỉ/chứng nhận cổ phiếu
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập; địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức
 - e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần
 - f) Chữ ký của Người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty
 - g) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu
 - h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117, 118 của Luật này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
- Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
- a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
 - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
 - c) Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.
6. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
7. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
8. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 8: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9: Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán
2. Trong vòng ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau thời hạn ba (03) năm kể từ ngày thành lập, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ. Các hạn chế này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập Doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập công ty.
3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty
7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông

Điều 10: Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng sở hữu cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một số người chuyên giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.
5. Một Cổ đông sở hữu các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ tối đa bằng một trăm năm mươi phần trăm (150%) lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của Ngân hàng tốt nhất Việt nam theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người sở hữu cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**CHƯƠNG V:
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 11: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

Điều 12: Mọi quan hệ giữa Công ty với các Bộ phận trực thuộc Công ty

1. Các Bộ phận trực thuộc Công ty (được gọi tắt là Bộ phận) được thành lập có bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả gồm: Các phòng chức năng, Đội sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh dịch vụ và nhiệm vụ được giao;
2. Hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của các Bộ phận phải tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành;
3. Hàng năm các Bộ phận được Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ, các chỉ tiêu kinh tế bắt buộc phù hợp với nguồn lực và khả năng thực tế của từng Bộ phận;
4. Các Bộ phận đều có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chung và quyền hưởng thụ đầy đủ các lợi ích kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định;
5. Các Bộ phận đều có quyền tham gia hội họp đóng góp các ý kiến hoặc kiến nghị với Công ty và Hội đồng quản trị tất cả các lĩnh vực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
6. Các mối quan hệ khác tuân theo hệ thống Quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

**CHƯƠNG VI:
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 13: Quy định chung về Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức, cá nhân sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty. Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng.
2. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty sau khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
3. Tại thời điểm thành lập, tất cả các Cổ đông của Công ty đều là Cổ đông phổ thông. Cổ đông sáng lập là các Cổ đông đáp ứng các quy định của Điều 119.2 Luật Doanh nghiệp, tham gia thông qua Điều lệ của Công ty lần đầu và cùng nhau sở hữu ít nhất (hai mươi phần trăm) 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty tại thời điểm thành lập.
4. Trong trường hợp một Cổ đông là tổ chức mới được sáp nhập, hợp nhất từ Cổ đông là tổ chức cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, thì Cổ đông mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về các vấn đề liên quan đến Cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và người đại diện của tổ chức đó theo quy định của pháp luật. Trường hợp Cổ đông là tổ chức giải thể thì cổ phần của Cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác.
5. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực theo quy định của pháp luật làm đại diện cho mình tại Công ty.
6. Việc ủy quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản theo các qui định của pháp luật. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

7. Các Cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm Cổ đông phải được sự chấp thuận của các Cổ đông này bằng văn bản.
8. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư nước ngoài) được mua cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua cổ phần của Công ty phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động mua, bán cổ phần; nhận, sử dụng cổ tức và các khoản thu khác từ đầu tư mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

Điều 14: Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
 - g) Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết chủ nợ và cổ đông loại khác;
 - h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần đang sở hữu trong các trường hợp quy định trong Điều 129.1 Luật Doanh nghiệp
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của Luật Doanh nghiệp.
3. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, có các quyền như Khoản 2, Điều 114, Luật Doanh nghiệp:
 - a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 38 của Điều lệ này.
 - b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp

- c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra
- e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 15: Nghĩa vụ của Cổ đông

Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
2. Chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
4. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp
2. Đại hội đồng cổ đông của Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
3. Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông gồm:
 - a) Cuộc họp thành lập Công ty
 - b) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính
 - c) Cuộc họp bất thường được tổ chức trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

- Số Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật
- Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu
- Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160, Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình. Hình thức thông qua các quyết định của cuộc họp bất thường Đại hội đồng cổ đông sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 17: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Các cuộc họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c) Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty;
 - d) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - e) Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập;
 - f) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - g) Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
 - h) Mức cổ tức được thanh toán hàng năm của từng loại cổ phần theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
 - i) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - j) Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - k) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - l) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - m) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - n) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.
 - o) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - p) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - q) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;

- r) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35 % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;
 - s) Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - t) Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các đơn vị trực thuộc của Công ty tính theo sổ sách kế toán; và
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các Quy chế khác của Công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một Quyết định nào của Hội đồng cổ đông để thông qua:
- a) Các hợp đồng quy định tại Luật Doanh nghiệp nếu Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến Cổ đông đó.
3. Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 18: Các đại diện được ủy quyền

- 1. Các Cổ đông có quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông theo Luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.
- 2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (trong trường hợp Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến).
 - d) Gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (trong thời hạn gửi Phiếu biểu quyết theo quy định của từng kỳ Đại hội đồng cổ đông cụ thể).
- 3. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận; Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp
 - a) Trường hợp người ủy quyền là cá nhân thì phải được ký bởi chính người đó hoặc bởi luật sư của người đó; và
 - b) Trường hợp là Công ty thì phải được một luật sư hoặc người đại diện có thẩm quyền của Công ty đó ký và đóng dấu.

4. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được uỷ quyền được một luật sư ký thay mặt cho người uỷ quyền thì văn bản uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của văn bản uỷ quyền đó, phải được nộp cùng (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) với văn bản chỉ định đại diện được uỷ quyền. Nếu yêu cầu này không được thực hiện thì việc chỉ định đại diện uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

5. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

- a) Chết hoặc hạn chế, mất năng lực hành vi;
- b) Huỷ bỏ việc chỉ định đại diện uỷ quyền; hoặc
- c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người đại diện được uỷ quyền.

Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền sẽ không có hiệu lực khi Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại Điều 17 Khoản 4b, 4c nói trên 48 tiếng trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lại.

Điều 19: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông tự chịu chi phí cho việc tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng khi chứng minh được sự chuyển nhượng trên thực tế đã được thực hiện.
3. Việc thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của các cổ đông cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của các Cổ đông được thực hiện theo qui định của Luật doanh nghiệp.

Điều 20: Thời gian, thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình cuộc họp và thông báo

1. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần.
2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường trong trường hợp dưới đây:
 - a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc triệu tập họp là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị giảm năm mươi phần trăm (50%);

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - b) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng hoặc của Ban kiểm soát trong trường hợp theo quy định tại Điều 136.3 Luật Doanh nghiệp..
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 2b của Điều này.
Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty
 4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội cổ đông theo điểm b của Điều này trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty
 5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 2.b của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.
 6. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời được công bố trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được chuyển đi một cách hợp lệ và bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được đăng tải trên website của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu họp và Công ty sẽ gửi tài liệu họp cho các cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp
 7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp
 9. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 9 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 9 Điều này vào Dự kiến Chương trình và nội dung cuộc họp, trừ các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận..

Điều 21: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng Cổ đông cần thiết theo quy định tại Khoản 1.a của Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai (02) trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - c) Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không có đủ điều kiện cần thiết như quy định tại Khoản 1.b của Điều này thì một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp..
2. Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì nếu Chủ tịch vắng mặt hoặc không có điều kiện thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp. Chủ tọa được bầu của cuộc họp đề cử một Thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
3. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký Cổ đông tham dự họp phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
4. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một Quyết định trước,

thu số thẻ phản đối Quyết định đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu cuộc họp không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

5. Cổ đông đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
6. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
7. Không cần lấy ý kiến của cuộc họp, bất cứ lúc nào Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một cuộc họp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp.
 - b) Các Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Chủ tọa của cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền muốn tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi cuộc họp.
10. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
 - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự cuộc họp (hoặc tiếp tục tham dự)

Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, khi xác định địa điểm cuộc họp, Hội đồng quản trị có thể:
 - a) Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ toạ cuộc họp sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm cuộc họp chính”);
 - b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm cuộc họp chính có thể đồng thời tham dự cuộc họp.
 - c) Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

Trong Điều khoản này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm cuộc họp chính.

Điều 22: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Đối với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty, định hướng phát triển Công ty, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử
5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Người Chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Các Biên bản ghi chép, Biên bản, tài liệu, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp/văn bản ủy quyền, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

6. Trường hợp thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:
- a) Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và pháp luật;
 - b) Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết để các Cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin.
 - c) Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại.
 - d) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ

đồng là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty

e) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

f) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác

7. Quyết định được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại Khoản 6 của Điều này có giá trị tương đương các quyết định do cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Nghị quyết của Đại hội cổ đông phải được thông báo đăng tải lên website của Công ty, trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua

Điều 23: Huỷ bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản Phiếu lấy ý kiến Đại hội Cổ đông, Cổ đông/Nhóm cổ đông có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Nội dung quyết định vi phạm các quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

**CHƯƠNG VII:
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên của Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ đầu của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty phải tuân thủ theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
2. Số thành viên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên do các Cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng Cổ đông sáng lập. Các Cổ đông sáng lập được quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị bằng cách gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu.
3. Mỗi Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ sáu (06) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

Nhóm Cổ đông sở hữu ít từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu chiếm trong khoảng từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) thì họ được quyền đề cử một (01) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu chiếm từ hai mươi phần trăm (20%) hai mươi phần trăm đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) thì họ được đề cử hai (02) thành viên; nếu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) thì họ được đề cử ba (03) thành viên; nếu chiếm từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) thì họ được đề cử bốn (04) thành viên; và nếu lớn hơn tám mươi phần trăm (80%) thì họ được đề cử năm (05) thành viên.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên của Hội đồng quản trị phải tuân thủ theo những quy định trong Điều này và Điều 156 Luật Doanh nghiệp

4. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.

- d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ nhiệm mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng quản trị. Thành viên hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng thường niên tiếp theo.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được đăng tải trên website của Công ty và báo cáo các Cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.

Điều 25: Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ công ty, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.
4. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.
 5. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các người quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.
 6. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.
 7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 8. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 9. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 10. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Điều 26: Điều kiện ứng cử, đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị

Những người sau đây có quyền ứng cử và quyền được đề cử vào Hội đồng quản trị:

1. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm(10%) số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị phải có hiệu lực ít nhất ba mươi sáu (36) tháng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có lý lịch rõ ràng; nhân thân tốt; có trình độ từ Đại học trở lên; có kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp; có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và không bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 27: Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 28: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.

1. Mọi thành viên Hội đồng quản trị (nhưng không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế sẽ có quyền nhận được thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định thành viên Hội đồng quản trị thay thế là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị chỉ định thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định thành viên Hội đồng quản trị thay thế không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nữa. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 29: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất ba (03) tháng một lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp thường kỳ cũng không quá bốn (04) tháng. Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp và gửi đến các thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.
2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường. Hội đồng quản trị phải họp phiên bất thường trong vòng (bảy) 07 ngày làm việc khi có một trong các trường hợp sau:
 - a) Có đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Thành viên độc lập
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

- d) Có đề nghị của Giám đốc; hoặc ít nhất năm (05) người quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị
 4. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
 6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị bảy (07) ngày làm việc trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.
 7. Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 8. Biểu quyết:
 - a) Trừ quy định tại Mục 8b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b) Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c) Theo quy định tại Mục 8d Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
-

- d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
9. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho Thư ký không muộn hơn một (01) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến.
12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Quyết định bằng văn bản: Quyết định bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:
- Những thành viên có quyền biểu quyết về Quyết định tại cuộc họp Hội đồng;
 - Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại quyết định này có hiệu lực và giá trị như là một quyết định được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Quyết định có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

14. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp.
15. Những người được mời họp dự thính: Ban kiểm soát, Giám đốc, những người quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.
16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Quyết định của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua Quyết định đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.
17. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

**CHƯƠNG VIII:
GIÁM ĐỐC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ
THƯ KÝ CÔNG TY**

Điều 30: Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan.
2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp; Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.
5. Quyền và nhiệm vụ của Giám đốc:
Giám đốc có những quyền và nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
 - f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - h) Tuyển dụng lao động;
 - i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j) Hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số vốn Điều lệ của Công ty.
 - k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các Quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 31: Bộ máy giúp việc

1. Hợp đồng lao động của những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở kiến nghị, đề xuất của Giám đốc.
2. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và Pháp luật về phạm vi công việc được phân công ủy quyền.
3. Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn Công ty.
4. Các Trưởng, Phó phòng chuyên môn là người giúp Giám đốc Công ty thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày.
5. Nhiệm kỳ của Ban Giám đốc là năm (05) năm và bộ máy giúp việc là ba (03) năm.

Điều 32: Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm của Giám đốc

1. Từ nhiệm: Trong trường hợp từ nhiệm, Giám đốc phải có văn bản gửi tới Hội đồng quản trị. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được văn bản này, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.
2. Miễn nhiệm: Giám đốc đương nhiên miễn nhiệm khi bị chết, mất trí, mất năng lực hành vi dân sự.
3. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có quyền quyết định bãi nhiệm Giám đốc khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (Giám đốc nếu là thành viên Hội đồng quản trị thì không được biểu quyết). Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.
4. Trong trường hợp Giám đốc không còn đủ tư cách, Hội đồng quản trị phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục đề bổ nhiệm Giám đốc mới.

Điều 33: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chức danh: **Giám đốc Công ty**

Họ tên: **Nguyễn Hải Bằng** Nam/Nữ: **Nam**

Sinh ngày: **30/3/1974** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân số: **030933523** do Công an Hải Phòng cấp ngày **19/8/2005**

Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 9/193 Văn Cao, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng.**

Chỗ ở hiện tại: **Số 9/193 Văn Cao, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng**

Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Khi có sự thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty, thì Công ty sẽ phải thông báo với cơ quan có quyền đăng ký kinh doanh.

Điều 34: Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Hội đồng quản trị có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty quản trị. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị; ghi chép các Biên bản họp Làm biên bản các cuộc họp;
 2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao
 3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông
-

5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính

**CHƯƠNG IX:
NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

Điều 35: Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Theo Điều 162 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc người quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

- b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn trên hai mươi phần trăm (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
4. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 37: Trách nhiệm và bồi thường

- 1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc tổ chức khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**CHƯƠNG X:
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 38: Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- 1. Công ty có Ban kiểm soát bao gồm ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp. Nhiệm kỳ đầu của Ban kiểm soát

là năm (05) năm, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và có thể kéo dài thêm chín mươi (90) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Nếu trong nhiệm kỳ xảy ra việc khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới bổ sung bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp. Điều kiện và tiêu chuẩn của Kiểm soát viên phải đáp ứng Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 163 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, cụ thể như sau:

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng.
- f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng., Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- g) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- j) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- k) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- l) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông
2. Tiêu chuẩn đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
 - a) Mỗi Cổ đông sở hữu mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề cử một ứng cử viên vào Ban kiểm soát.
 - b) Nhóm Cổ đông sở hữu ít hơn mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian ít nhất sáu (06) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát.
3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là Cổ đông của Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai (02) người;
6. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
 - c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
 - d) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
 - e) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công
 - f) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- g) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
7. Giới hạn hoạt động của Ban kiểm soát
- a) Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thi hành nhiệm vụ;
 - b) Việc kiểm tra theo quy định tại Điều 39.2 Điều lệ này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - c) Ban Kiểm soát có thể bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày Ban Kiểm soát bổ nhiệm.
8. Chi phí cho hoạt động của thành viên Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát hưởng thù lao công vụ, mức thù lao này Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát
- Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
 - b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 39: Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên trong Ban kiểm soát phụ trách từng phần công việc.
- 2. Mỗi thành viên Ban kiểm soát, dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng ban kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:
 - a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
 - b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông có quyền như quy định tại Điều lệ này.

- c) Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ sổ sách và báo cáo tài chính về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của kiểm soát viên;
 - e) Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp số liệu, tài liệu và thuyết minh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - f) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào sổ biên bản phiên họp, trực tiếp báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - g) Trường Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông ;
 - h) Kiểm tra việc thực hiện các quyết định, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ các bí mật của Công ty.

**CHƯƠNG XI:
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 40: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Điều 24.3 Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ này, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

**CHƯƠNG XII:
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐOÀN THỂ**

Điều 41: Người lao động và các tổ chức đoàn thể

Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

**CHƯƠNG XIII:
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Điều 42: Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn
4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của Luật pháp.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký

- tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
8. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
 9. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
 10. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
 11. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Quyết định này.
 12. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
 13. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
 14. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua quyết định của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

**CHƯƠNG XIV:
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ,
NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

Điều 43: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44: Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (05%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

Điều 45: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 46: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**CHƯƠNG XV:
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ
THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 47: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của công ty chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty theo quy định của Pháp luật phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính và đảm bảo quy định về công bố thông tin đối Công ty đại chúng, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, và cơ quan đăng ký kinh doanh.
5. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
6. Các bản báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được đăng tải lên trang Web của Công ty theo quy định.
7. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời gian hợp lý.
8. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

**CHƯƠNG XVI:
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 49: Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
6. Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam có quyền kiểm toán mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không quá (một) 01 lần mỗi năm.

CHƯƠNG XVII: CON DẤU

Điều 50: Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc và đăng ký theo các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có thể đề nghị với Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 17.1 và Điều 22.3 của Điều lệ này thông qua việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức sau:

1. Chia Công ty
2. Tách Công ty
3. Hợp nhất Công ty
4. Sáp nhập Công ty
5. Chuyển đổi Công ty

Điều 51: Chia Công ty

1. Công ty có thể được chia thành hai hoặc nhiều công ty cổ phần mới trong các trường hợp sau đây:
 - a) Một phần phần vốn góp, cổ phần của các thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị phần vốn góp, cổ phần được chia sang cho các công ty mới theo tỷ lệ sở hữu trong công ty bị chia và tương ứng giá trị tài sản được chuyển cho công ty mới;
 - b) Toàn bộ phần vốn góp, cổ phần của một hoặc một số thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị cổ phần, phần vốn góp họ được chuyển sang cho các công ty mới;

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- c) Kết hợp cả hai trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định chia Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
3. Thủ tục chia Công ty được quy định như sau:
 - a) Quyết định chia Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - Quyết định chia Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty hiện có; số lượng công ty sẽ thành lập; nguyên tắc và thủ tục chia tài sản Công ty; phương án sử dụng lao động, thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị chia sang các công ty mới thành lập; nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của công ty bị chia; thời hạn thực hiện chia Công ty.
 - Quyết định chia Công ty phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định;
 - b) Các Cổ đông của các công ty mới được thành lập thông qua Điều lệ, bầu thành viên Hội đồng quản trị; tiến hành đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định chia Công ty quy định tại Điểm a, Khoản này.
4. Sau khi đăng ký kinh doanh các công ty mới, Công ty sẽ chấm dứt tồn tại. Các công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty hoặc thỏa thuận với chủ nợ, khách hàng và người lao động để một trong số các công ty mới thực hiện các nghĩa vụ này

Điều 52: Tách Công ty

1. Công ty có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản của Công ty hiện có để thành lập một hoặc một số công ty cổ phần mới; chuyển một phần quyền và nghĩa vụ của Công ty sang công ty được tách mà không chấm dứt sự tồn tại của Công ty.
2. Tách công ty có thể thực hiện theo một trong các phương thức sau đây:
 - a) Một phần phần vốn góp, cổ phần của các thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị phần vốn góp, cổ phần được chuyển sang cho các công ty mới theo tỷ lệ số hữu trong công ty bị tách và tương ứng giá trị tài sản được chuyển cho công ty mới;
 - b) Toàn bộ phần vốn góp, cổ phần của một hoặc một số thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị cổ phần, phần vốn góp của họ được chuyển sang cho các công ty mới;
 - c) Kết hợp cả hai trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
3. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định tách Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
4. Thủ tục tách Công ty được quy định như sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua quyết định tách Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- Quyết định tách Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty bị tách; số lượng công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty sang công ty được tách; thời hạn thực hiện tách Công ty.
 - Quyết định tách Công ty phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định;
- b) Các Cổ đông của công ty cổ phần được tách thông qua Điều lệ, bầu thành viên Hội đồng quản trị; tiến hành đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định tách Công ty quy định tại Điểm a Khoản này.
5. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty và công ty được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Điều 53: Hợp nhất Công ty

1. Công ty cùng một hoặc một số công ty cổ phần khác (gọi chung là các công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty cổ phần mới (gọi là công ty hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty hợp nhất, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của Công ty và các công ty bị hợp nhất khác.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định hợp nhất Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
3. Thủ tục hợp nhất Công ty được quy định như sau:
 - a) Việc hợp nhất Công ty phải được thực hiện thông qua Hợp đồng giữa các công ty tham gia hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở các công ty bị hợp nhất; tên, trụ sở công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản; chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị hợp nhất thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;
 - b) Các Cổ đông của các công ty bị hợp nhất thông qua Hợp đồng hợp nhất, Điều lệ công ty hợp nhất, bầu Hội đồng quản trị công ty hợp nhất; tiến hành đăng ký kinh doanh công ty hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo hợp đồng hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông qua.
4. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty sẽ chấm dứt tồn tại. Công ty hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty bị hợp nhất.

Điều 54: Sáp nhập Công ty

1. Công ty cùng một hoặc một số công ty cổ phần khác (gọi chung là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty cổ phần khác (gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

- chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của Công ty và các công ty bị sáp nhập khác.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định sáp nhập Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
 3. Thủ tục sáp nhập Công ty được quy định như sau:
 - a) Các công ty liên quan chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ công ty nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty nhận sáp nhập; tên, trụ sở công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; thủ tục, điều kiện và thời hạn chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần và trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần và trái phiếu của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập;
 - b) Các Cổ đông của các công ty có liên quan thông qua Hợp đồng sáp nhập và Điều lệ công ty nhận sáp nhập; tiến hành đăng ký kinh doanh công ty nhận sáp nhập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo hợp đồng sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông qua;
 4. Trường hợp sáp nhập mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần từ ba mươi phần trăm (30%) đến năm mươi phần trăm (50%) trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của Công ty thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành sáp nhập, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác.

Công ty không thực hiện sáp nhập với các công ty mà theo đó Công ty nhận sáp nhập có thị phần trên năm mươi phần trăm (50%) trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác.
 5. Sau khi đăng ký kinh doanh, công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.

Điều 55: Chuyển đổi Công ty

A. Chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên:

1. Công ty có thể được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo phương thức sau đây:
 - a) Một cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tương ứng của tất cả các cổ đông còn lại;
 - b) Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của tất cả cổ đông của công ty;
 - c) Công ty chỉ còn lại một cổ đông trong thời gian vượt quá thời hạn yêu cầu số lượng tối thiểu công ty cổ phần theo quy định tại Điều 110 của Luật Doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ - PTSC DINH VU

2. Việc chuyển nhượng hoặc nhận góp vốn đầu tư bằng cổ phần, phần vốn góp quy trình tại khoản 1 Điều này phải thực hiện theo giá thị trường, giá được định theo phương pháp tài sản, phương pháp dòng tiền chiết khấu hoặc phương pháp khác.
 3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và xảy ra trường hợp điểm c khoản 1 Điều này, Công ty phải gửi hoặc nộp hồ sơ chuyển đổi tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- B. Chuyển đổi thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên:
1. Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo phương thức sau đây:
 - a) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn mà không huy động thêm hoặc chuyển nhượng cổ phần cho tổ chức, cá nhân khác;
 - b) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn đồng thời với huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn;
 - c) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn đồng thời với chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần của toàn bộ hoặc một phần cổ phần cho tổ chức, cá nhân khác góp vốn;
 - d) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn kết hợp các phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này.
 2. Công ty phải đăng ký chuyển đổi công ty với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 3. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định chuyển đổi Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
 4. Thủ tục chuyển đổi được quy định như sau:
 - a) Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định chuyển đổi và Điều lệ công ty chuyển đổi. Quyết định chuyển đổi phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty được chuyển đổi; tên, trụ sở công ty chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty được chuyển đổi thành tài sản, cổ phần, trái phiếu, phần vốn góp của công ty chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện chuyển đổi;
 - b) Quyết định chuyển đổi phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định. Việc tiến hành đăng ký kinh doanh của công ty chuyển đổi phải được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định chuyển đổi.
 5. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty chấm dứt tồn tại. Công ty chuyển đổi được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

**CHƯƠNG XIX:
TẠM NGỪNG KINH DOANH, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ**

Điều 56: Tạm ngừng kinh doanh

1. Công ty có quyền tạm ngừng kinh doanh nhưng phải thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh. Quy định này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.
2. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, Công ty phải nộp đủ số thuế còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp Công ty, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác.

Điều 57: Giải thể và chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn.
 - b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo Quy định tại Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
 - c) Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.
3. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.
4. Trình tự và thủ tục giải thể Công ty trong các trường hợp quy định tại điều a,b,c khoản 1 Điều này được thực hiện theo Điều 202 Luật Doanh nghiệp.
5. Trình tự và thủ tục giải thể Công ty trong trường hợp quy định tại điều d khoản 1 Điều này được thực hiện theo Điều 203 Luật Doanh nghiệp.
6. Hồ sơ giải thể, chấm dứt hoạt động của Công ty bao phải được thực hiện theo quy định tại Điều 204 Luật Doanh nghiệp.

Điều 58: Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả

- các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.
 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - e) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

**CHƯƠNG XX:
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 59: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý cao cấp.Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

**CHƯƠNG XXI:
SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 60: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG XXII:
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 61: Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này là bản cam kết của các cổ đông Công ty. Mọi hoạt động của Công ty và các cổ đông phải tuân theo quy định của điều lệ này, các quy định của luật doanh nghiệp và các văn bản liên quan.


2. Điều lệ này gồm mười hai (XXII) chương với sáu mươi một (61) điều, được các cổ đông thông qua ngày 09 tháng 04 năm 2012 tại thành phố Hải Phòng trên cơ sở kế thừa Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2007, sửa đổi bổ sung lần thứ nhất ngày 03/07/2009, sửa đổi bổ sung lần thứ hai ngày 09/4/2012, sửa đổi bổ sung lần thứ ba ngày 15/06/2016.

3. Điều lệ được lập thành bảy (07) bản, có giá trị như nhau, trong đó mỗi cổ đông sáng lập là cá nhân giữ một (01) bản; 01 một bản đăng ký tại cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Một (01) bản nộp Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- Hai (02) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

TT	Chữ ký	Họ và tên	Chức vụ
		Nguyễn Hải Bằng	Giám đốc Công ty